LUẬN A TỲ ĐẠT MA ĐẠI TỲ BÀ SA

QUYỂN 52

LUẬN VỀ BẤT THIỆN (Phần 7)

Ba kiết cho đến chín mươi tám Tùy miên, mấy loại do kiến khổ mà đoạn cho đến mấy loại do tu mà đoạn?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Môn trước tuy đã ngăn chặn ý lập tức đoạn của Sa-môn, mà chưa ngăn chặn ý lập tức hiện quán, cũng chưa hiển bày về nghĩa từ từ hiện quán, nay cần phải ngăn chặn ý lập tức hiện quán để hiển bày về nghĩa từ từ hiện quán. Có người đưa ra cách nói này: Môn trước tuy đã ngăn chặn ý cho rằng lập tức hiện quán, cũng đã hiển bày về nghĩa từ từ hiện quán, mà không sơ lược hiển bày rõ ràng về hiện kiến, nay làm cho sơ lược hiển bày rõ ràng về hiện kiến. Hoặc có người nói: Nay muốn biểu hiện rõ ráng về năm bộ phiền não và năm pháp đối trị. Năm bộ phiền não, nghĩa là do kiến khổ mà đoạn cho đến do tu mà đoạn. Đối trị với năm bộ nghĩa là Khổ nhẫn-khổ trí là đối trí do kiến Khổ mà đoạn, cho đến Đạo nhẫn-Đạo trí là đối trị do kiến Đạo mà đoạn, Khổ-Tập-Diệt-Đạo và thế tục trí là đối trị do tu mà đoạn. Bởi vì nhân duyên này cho nên soạn ra phần luận này.

Trả lời: Trong ba Kiết thì kiết Hữu thân kiến do kiến khổ mà đoạn.

Hỏi: Vì sao Hữu thân kiến chỉ do kiến khổ mà đoạn?

Đáp: Bởi vì kiến này chỉ chuyển đổi ở nơi khổ, lúc quán sát về khổ thì kiến này sẽ đoạn. Lại nữa, bởi vì kiến này chỉ chuyển đổi ở nơi quả, lúc quán sát về quả thì kiến này sẽ đoạn. Lại nữa, kiết Hữu thân kiến là trái với tự tánh, tất cả điên đảo đều do kiến khổ đoạn trừ, lúc điên đảo đoạn trừ thì kiến này cũng đoạn mất, bởi vì cùng chung đối trị. Lại nữa, phiền não này thô thiển, bắt đầu lúc đạo vô gián-khổ pháp loại nhẫn hiện ở trước mắt thì lập tức vĩnh viễn đoạn mất, nếu phiền

não vi tế thì sau lúc đạo vô gián-định Kim Cang Dụ hiện ở trước mắt mới có thể đoạn hết; như áo có vết bẩn không kiên quyết mặc vào, vừa giặt rửa liền sạch, nếu kiên quyết mặc mãi thì dùng bột tro-xà phòng..., dụng công giặt giũ sau đó mới có thể sạch được; cũng như đồ sành chất nhờn không dính sâu vào, nước rửa qua liền sạch, chất nhờn dính sâu vào thì hoặc là dùng nước đun sôi, hoặc là dùng lửa đốt nóng rồi sau đó mới sạch được.

Tôn giả Diệu Âm cũng đưa ra cách nói này: "Kiến này thô thiển cho nên lúc ban đầu đạo vô gián hiện ở trước mắt thì lập tức vĩnh viễn đoạn mất. Hai thí dụ về áo-đồ đựng cũng nói như trước. Lại nữa, không phải là gốc rễ của kiến này đi sâu vào cảnh địa, không đi sâu vào cho nên tánh của nó yếu kém, lúc bắt đầu đạo vô gián-khổ pháp loại nhẫn hiện ở trước mắt thì lập tức vĩnh viễn đoạn mất; nếu gốc rễ của phiền não đi sâu vào cảnh địa, về sau lúc đạo vô gián-Định Kim Cang Dụ hiện ở trước mắt thì mới có thể đoạn hết; ví như gốc rễ của cây không ăn sâu vào lòng đất, làn gió nhẹ thổi vào thì lập tức gãy đổ, gốc rễ ăn sâu vào lòng đất thì cơn gió lớn thổi vào mới có thể gãy đổ".

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: "Hữu thân kiến này duyên với năm uẩn mà dấy khởi, lúc như thật quán thấy năm Thủ uẩn thì kiến này kiền đoạn mất. Lại nữa, Hữu thân kiến này bắt đầu từ ý tưởng Thường-Lạc-Ngã mà phát sinh, lúc bốn ý tưởng đoạn mất thì kiến này sẽ đoạn mất".

Đại đức nói rằng: "Hữu thân kiến này duyên với Hữu thân mà phát sinh gọi là Hữu thân kiến, nếu quán Hữu thân không có Ngã và Ngã sở thì kiến này liền đoạn mất, cho nên kiến Hữu thân kiến chỉ do kiến khổ mà đoạn".

Như kiến Hữu thân kiến, thì kiết Hữu thân kiến trong năm kiết thuận phần dưới, Hữu thân kiến-Biên chấp kiến trong năm kiến cũng như vậy, bởi vì tự tánh giống nhau, bởi vì đều mê lầm về khổ.

Kiết giới cấm thủ có hai loại, hoặc do kiến khổ mà đoạn, hoặc do kiến Đạo mà đoạn.

Hỏi: Vì sao giới cấm thủ không phải là do kiến Tập-Diệt mà đoạn?

Đáp: Bởi vì ngoại đạo chỉ đối với Khổ-Đạo mà dấy khởi Giới cấm thủ này, nghĩa là các ngoại đạo cũng có thể nói rằng Tập như nơi chốn cấu uế, cũng có thể nói rằng Diệt như nơi chốn tắm rửa, họ cho rằng tập là nơi chốn cấu uế cho nên không sinh tâm mong cầu, họ cho rằng Diệt là nơi chốn tắm rửa cho nên vọng tưởng sinh tâm mong cầu, vọng

tưởng sinh tâm mong cầu cho nên phát khởi các loại khổ hạnh không lợi ích gì; cứ như thế phát khởi khổ hạnh không lợi ích gì, như vậy-như vậy phiền não cấu uế tăng lên làm nhiễm ô thân tâm cách xa Niết-bàn, như người vì trừ bỏ dơ bẩn trên thân thể mà dùng nước nhớp tắm rửa, cứ như thế tắm rửa như vậy-như vậy lại tăng thêm dơ bẩn. Vì vậy Giới cấm thủ chỉ bao gồm hai bộ. Lại nữa, bởi vì Giới cấm thủ này chỉ chuyển biến đối với hai nơi Khổ-Đạo, chuyển biến nơi khổ là do kiến khổ mà đoạn, chuyển biến nơi Đạo là do kiến Đạo mà đoạn. Lại nữa, bởi vì Giới cấm thủ này chỉ chuyển biến đối với hai nơi uế-tịnh, chuyển biến nơi uế là do kiến khổ mà đoạn, chuyển biến nơi tịnh là do kiến Đạo mà đoạn. Lại nữa, Giới cấm thủ này chỉ có hai loại, đó là do nội đạo-ngoại đạo mà dấy khởi sai biệt, nội đạo dấy khởi thì do kiến khổ mà đoạn, ngoại đạo dấy khởi thì do kiến đạo mà đoạn. Lại nữa, Giới cấm thủ này chỉ có hai loại, đó là chẳng phải nhân cho là nhân và chẳng phải đạo cho là đạo, chẳng phải nhân cho là nhân thì do kiến khổ mà đoạn chẳng phải đạo cho là đạo thì do kiến Đạo mà đoạn.

Như kiết Giới cấm thủ, thì Giới cấm thủ trong bốn thủ, Giới cấm thủ Thân hệ trong bốn Thân hệ, kiết Giới cấm thủ trong năm kiết thuận phần dưới, Giới cấm thủ trong năm kiến, cũng như vậy, bởi vì tự tánh giống nhau.

Kiết nghi có bốn loại, hoặc là do kiến khổ mà đoạn cho đến hoặc là do kiến Đạo mà đoạn.

Hỏi: Vì sao không có Nghi do tu mà đoạn?

Đáp: Lúc chưa thấy sự việc thì tâm có do dự, thấy sự việc đó rồi thì do dự liền trừ hết, cho nên không có Nghi là do tu mà đoạn.

Như Kiết Nghi, thì Kiến Bộc lưu-Ách trong bốn Bộc lưu-Ách, kiến thủ trong bốn Thủ Thân hệ chấp đây là thật trong bốn Thân hệ, Cái nghi trong năm cái, Kiết nghi trong năm kiết thuận phần dưới, Tà kiến-kiến thủ trong năm kiến, Tùy miên Kiến-Nghi trong bảy Tùy miên, Kiết Kiến-Thủ-Nghi trong chín kiết, cũng như vậy, bởi vì thể loại giống nhau.

Ba căn bất thiện có năm loại, hoặc là do kiến khổ mà đoạn, cho đến hoặc là do tu mà đoạn, bởi vì năm bộ đều có tham-sân-si.

Như ba Căn bất thiện, thì ba Lậu, trong bốn Độc lưu-Ách trừ ra Kiến còn lại Bộc lưu-Ách khác, Dục thủ-Ngã ngữ thủ trong bốn Thủ, Thân hệ Tham dục-Sân nhuế trong bốn Thân hệ, trong năm cái trừ ra Ác tác-Nghi còn lại các Cái, kiết Tham-Sân-Mạn trong năm kiết Tham dục-Sân nhuế trong năm kiết thuận phần dưới, do Ý xúc mà sinh ra Ái

thân trong sáu Ái thân, trừ ra Kiến-Nghi còn lại các tùy miên trong bảy Tùy miên, kiết Ái-Nhuế-mạn-Vô minh, cũng như vậy, bởi vì thể loại giống nhau. Tuy nói chung ở đây đều gồm cả năm bộ, mà phân biệt riêng ra thì có một-có hai-có bốn-có năm. Trong Dục lậu... thì Hữu thân kiến-Biên chấp kiến-Ác tác-Tật-Khan-Phẫn-Phú chỉ có một bộ, Giới cấm thủ chỉ có hai bộ, Tà kiến-Kiến thủ-Nghi chỉ có bốn bộ, Tham-Sân-Mạn đều gồm chung năm bộ. Cái Ác tác do tu mà đoạn và do trí mà đoạn.

Như Cái Ác tác, thì kiết Tật-Khan trong năm Kiết, năm Kiết thuận phần trên năm Ái thân trước trong sáu Ái thân, kiết Tật-Khan trong chín Kiết, cũng như vậy, bởi vì cùng dựa vào sự mà chuyển đổi các phẩm loại...

Trong chín mươi tám Tùy miên, có hai mươi tám loại do kiến khổ mà đoạn, bởi vì chuyển biến nơi khổ, có mười chín loại do kiến Tập mà đoạn, bởi vì chuyển biến nơi Tập, có mười chín loại do kiến Diệt mà đoạn, bởi vì chuyển biến nơi Diệt; có hai mươi hai loại do kiến Đạo mà đoạn, bởi vì chuyển biến nơi Đạo; có mười loại do tu mà đoạn, bởi vì dựa vào sự mà chuyển biến.

Hỏi: Trong này loại nào gọi là do kiến Khổ mà đoạn, cho đến loại nào gọi là do tu mà đoạn?

Đáp: Nếu đối trị quyết định-đối trị sở duyên quyết định, thì gọi là do kiến Khổ mà đoạn cho đến do kiến Đạo mà đoạn; nếu đối trị không quyết định-đối trị sở duyên không quyết định, thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu xứ sở quyết định-đối trị sở duyên quyết định, thì gọi là do kiến khổ mà đoạn cho đến do kiến Đạo mà đoạn, nếu xứ sở không quyết định-đối trị sở duyên không quyết định, thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu khổ nhẫn-khổ trí làm pháp đối trị, thì gọi là do kiến khổ mà đoạn, cho đến nếu Đạo nhẫn-Đạo trí làm pháp đối trị, thì gọi là do kiến Đạo mà đoạn, nếu Khổ-Tập-Diệt-Đạo và thế tục trí làm pháp đối trị, thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu khổ pháp loại nhẫn đoạn trừ, thì gọi là do kiến khổ mà đoạn, cho đến nếu Đạo pháp loại nhẫn đoạn trừ, thì gọi là do kiến Đạo mà đoạn; nếu bốn Pháp loại trí và thế tục trí đoạn trừ, thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu quán khổ đế đoạn trừ, thì gọi là do kiến khổ mà đoạn, cho đến nếu quán Đạo đế đoạn trừ, thì gọi là do kiến Đạo mà đoạn, nếu hoặc là quán Khổ đế, cho đến hoặc là quán Đạo đế-hoặc là quán những sự việc khác đoạn trừ, thì gọi là do tu mà đoạn. Lại nữa, nếu quán trái với khổ đế, thì gọi là do kiến khổ mà đoạn, cho đến nếu quán trái với Đạo đế, thì gọi là do kiến Đạo mà

đoạn, nếu quán trái với bốn đế và quán trái với những sự việc khác, thì gọi là do tu mà đoạn.

Ba kiết cho đến chín mươi tám Tùy miên, mấy loại là kiến, mấy loại không phải kiến?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh nghĩa. Nghĩa là hoặc có người chấp: Tất cả phiền não đều là tánh kiến. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy cho nên nói tên gọi là kiến. Tất cả phiền não đều có hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy đối với nghiệp của mình, như hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy của Hữu thân kiến là chấp Ngã-Ngã sở, hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy của Biên chấp kiến là chấp Đoạn-chấp Thường, hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy của tà kiến là chấp không có, hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy của kiến thủ là chấp hơn hẳn, hàng tướng mạnh mẽ nhanh nhạy của Giới cấm thủ là chấp có năng lực thanh tịnh, hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy của Nghi là do dự, hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy của Tham là nhiễm trước hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy của Sân là ghét bỏ, hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy của Mạn là đề cao, hành tướng mạnh mẽ nhanh nhạy của Vô minh là không hiểu biết. Vì vậy, các phiền não đều là tánh kiến.

Hoặc lại có người chấp: Tất cả phiền não đều không phải là tánh kiến. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì thông hiểu các pháp thì nói tên gọi là kiến, mà tất cả phiền não đều không thông hiểu đối với sở duyên của mình, cho nên không phải là tánh kiến.

Vì ngăn chặn ý đó, hiển bày các phiền não có loại là tánh kiến, có loại không phải là tánh kiến, cho nên soạn ra phần luận này.

Trả lời trong ba kiết có hai kiến và một không phải là kiến, hai kiến ấy gọi là Hữu thân kiến-Giới cấm thủ, một không phải là kiến thì gọi là Nghi. Phần còn lại nói rộng ra như bản luận, giải thích rộng về nghĩa của kiến đã nói như trước, nghĩa là ở phần năm kiến.

Ba kiết cho đến chín mươi tám Tùy miên, mấy loại có Tầm-có Tứ, mấy loại không có Tầm-chỉ có Tứ, mấy loại không có Tầm-không có Tứ?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Từ cõi Dục cho đến Hữu Đảnh đều có Tầm-Tứ. Như phái Thí Dụ đã chấp. Vì sao họ dấy lên cái chấp này? Bởi vì dựa vào kinh. Nghĩa là trong kinh nói: "Tánh thô của tâm gọi là

Tầm, tánh tế của tâm gọi là Tứ". Như vậy tánh thô tế thì từ cõi Dục cho đến Hữu đảnh đều có thể đạt được, cho nên biết rằng ba cõi đều có Tầm và Tứ. Đại đức nói rằng: "Các Sư phái Đối pháp đã nói phi lý. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tánh thô tế của tâm thì ba cõi đều có, trong kinh nói tánh này chính là Tầm-Tứ, mà nói Tầm-Tứ chỉ có ở hai nơi, đó là cõi Dục và cõi Phạm Thế, cho nên phái Đối pháp đã nói là phi lý, cũng gọi là ác thuyết-ác thọ trì, chứ không gọi là thiện thuyết-thiện thọ trì". Các Luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: "Luận thuyết và sự thọ trì của chúng tôi là thiện chứ không phải là ác Nguyên cớ thế nào? Bởi vì thi thiết về thô tế có nhiều. Nghĩa là có nơi nói: Triền là thô-Tùy miên là tế. Trong này Tầm-Tứ không phải là thô-không phải là tế, bởi vì hai loại này không phải là Triền-không phải là Tùy miên. Hoặc có nơi nói: Sắc uẩn là thô-bốn uẩn là tế. Trong này, Tầm-Tứ là tế chứ không phải là thô, bởi vì Hành uẩn thâu nhiếp. Hoặc có nơi nói: Cõi Dục là thô-Tĩnh lự thứ nhất là tế. Trong này, Tầm-Tứ đều bao gồm cả thô-tế, bởi vì hai địa đều có Tầm và Tứ. Hoặc có nơi nói: Tĩnh lự thứ nhất là thô-Tĩnh lự thứ hai là tế. Trong này, Tầm-Tứ là thô chứ không phải là tế, bởi vì trên Tĩnh lự thứ nhất không có Tầm-Tứ. Các nơi như vậy thi thiết về thô tế có nhiều phẩm loại, không cần phải nhất định chấp rằng tánh thô gọi là Tầm-tánh tế gọi là Tứ, cũng không nên chấp rằng hai loại Tầm-Tứ thì ba cõi đều có". Nhưng trong kinh nói "Tầm-Tứ là tánh thô tế của tầm", là dựa vào tánh thô tế của tâm luôn luôn làm rối loạn cho hai địa phía dưới mà nói, từ Tĩnh lự thứ hai cho đến Hữu đảnh thì tâm lìa náo động cho nên không có Tầm-Tứ. Vả lại, họ đã nói từ hai Định trở lên có Tầm-có Tứ, tại sao kiến lập có Tầm-Tứ... ở ba địa có khác nhau? Họ đưa ra cách nói này: "Tất cả các tâm thiện nhiễm-vô phú vô ký của cõi Dục-Tĩnh lự thứ nhất và Tĩnh lự trung gian, cho đến tâm nhiễm ô của Hữu Đảnh đều gọi là địa có Tầm-có Tứ; tâm thiện và vô phú vô ký của Tĩnh lự trung gian đều gọi là địa không có Tầm-chỉ có Tứ; tâm thiện và vô phú vô ký của Tĩnh lự thứ hai cho đến Hữu Đảnh đều gọi là địa không có Tầm-không có Tứ". Nếu như vậy thì trong kinh nói nên thông hiểu thế nào? Như trong kinh nói: "Tầm-Tứ vắng lặng, không có Tần-không có Tứ thì nhất định phát sinh hỷ lạc tiến vào Tĩnh lự thứ hai an trú đầy đủ". Họ đưa ra cách nói này: "Kinh này dựa vào thiện-vô phú vô ký, chứ không dựa vào nhiễm ô mà nói Tầm-Tứ vắng lặng". Họ nói phi lý, nguyên cớ thế nào? Bởi vì có nhân duyên vào tiến vào Định thứ hai mà chỉ là thiện-vô ký-Tầm-Tứ vắng lặng chứ không phải là nhiễm ô? Thà rằng nói nhiễm ô-Tầm-Tứ vắng lặng chứ không phải là thiện-vô ký. Nguyên cớ thế

nào? Bởi vì các pháp nhiễm ô lúc lìa nhiễm thì xả bỏ, pháp thiện-vô ký lúc vượt qua giới-địa thì mới xả bỏ hết. Nhưng phái Thí dụ là không hiểu biết về quả, tối tăm mờ mịt về quả không chịu khó gia hạnh về quả, cho nên nói là Tầm-Tứ thì ba cõi đều có, mà Tầm và Tứ thì có ở hai địa phía dưới chứ không có ở bảy địa phía trên.

Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác đã nói như vậy, để biểu hiện rõ ràng về chánh lý, cho nên soạn ra phần luận này.

Trả lời trong ba Kiết có ba loại, đó là hoặc có Tầm-có Tứ, hoặc không có Tầm-chỉ có Tứ, hoặc không có Tầm-không có Tứ.

Thế nào là có Tầm-có Tứ? Đó là ở cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất. Thế nào là không có Tầm-chỉ có Tứ? Đó là ở Tĩnh lự trung gian. Thế nào là không có Tầm-không có Tứ? Đó là ở ba Tĩnh lự trên và bốn vô sắc. Phần còn lại nói rộng ra như bản luận.

Hỏi: Trong này, loại nào gọi là có Tầm-có Tứ, loại nào gọi là không có Tầm-chỉ có Tứ, loại nào gọi là không có Tầm-không có Tứ?

Đáp: Nếu tương ưng với Tầm-Tứ đều là Tầm-Tứ, là Tầm-Tứ cùng khởi do Tầm-Tứ mà chuyển, thì gọi là có Tầm-có Tứ. Nếu không đi cùng với Tầm mà chỉ đi cùng với Tứ, Không tương ưng với Tầm mà chỉ tương ưng với Tứ, không phải là Tầm cùng khởi mà chỉ có Tứ cùng khởi, Tầm đã vắng lặng chỉ do Tứ mà chuyển, thì gọi là không có Tầm, chỉ có Tứ. Nếu không phải là đi cùng Tầm-Tứ, Không phải là do Tầm-Tứ mà chuyển, thì gọi là không có Tầm-Không có Tứ. Lại nữa, nếu có các loại tìm cầu, các loại quan sát thì gọi là có Tầm-có Tứ; nếu không có các loại tìm cầu, cũng Không có các loại quan sát, thì gọi là không có Tầm-Tứ. Lại nữa, nếu có tìm cầu thường xuyên, quán sát thường xuyên, thì gọi là có Tầm-có Tứ; nếu không có tìm cầu thường xuyên mà có quan sát thường xuyên thì gọi là không có Tầm-chỉ có Tứ; nếu không có tìm cầu thường xuyên, cũng không có quan sát thường xuyên, thì gọi là không có Tầm-không có Tứ.

Ba kiết cho đến chín mươi tám tùy miên, có mấy loại tương ưng với Lạc căn, có mấy loại tương ưng với Khổ-Hỷ-Ưu-Xã căn?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác đã hiển bày về chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Lúc các pháp sinh khởi thì từ từ chứ không phải là lập tức. Như phái thí dụ đã chấp. Đại Đức Nói rằng: "Lúc các pháp sinh khởi thì theo thứ tự chứ không có nghĩa cùng dấy khởi, như có nhiều khách buồn đi qua con đường hẹp thì từng người một mà đi qua, hãy còn không có nghĩa hai người đi qua cùng một lúc, huống

hồ có thể có nhiều người. Các pháp hữu vi cũng lại như vậy, mỗi một pháp từ tướng sinh của mình mà sinh khởi, khác hòa hợp mà sinh thì lý sẽ không củng lúc dấy khởi".

Các luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: "Có nhân duyên cho nên nói pháp hữu vì khác hòa hợp mà sinh, bởi vì mỗi một pháp sinh khởi từ tướng sinh của mình, có nhân duyên cho nên nói pháp hữu vi cùng hòa hợp mà sinh, bởi vì không lìa nhau thì sinh khởi cùng một lúc. Nghĩa là dựa vào tướng sinh mà nói pháp hữu vi khác hòa hợp mà sinh; nếu dựa vào sát-na thì nói pháp hữu vi cùng hòa hợp mà sinh, bởi vì không lìa nhau thì chắc chắn sinh khởi cùng lúc".

Hoặc lại có người chấp: Nghĩa về lực, không có lực, thì gọi là nghĩa tương ưng-không tương ưng. Nghĩa là nếu pháp này sinh ra do lực của pháp kia, thì nói là pháp này tương ưng với pháp kia. Nếu pháp sinh ra không do lực của pháp kia, thì tuy cùng lúc dấy khởi mà không có nghĩa tương ưng; như tâm này sinh do lực của tâm kia, thì có thể nói tâm này tương ưng với tâm kia; lại do lực của tâm mà sinh ra tâm sở, thì có thể nói tâm này tương ưng với tâm kia; lại do lực của tâm mà sinh ra tâm sở, thì có thể nói tâm sở tương ưng với tâm sở; không do lực của tâm sở mà tâm được sinh khởi thì không có thể nói tâm tương ưng với tâm sở.

Vì ngăn chặn ý đó, để biểu hiện rõ ràng tâm tương ưng với tâm sở, tâm sở cũng tương ưng với tâm sở, tâm sở cũng có thể tương ưng với tâm, nhưng tâm cùng với tâm thì không có nghĩa tương ưng, bởi vì một thân thì hai tâm không cùng lúc dấy khởi.

Hoặc lại có người chấp: Các pháp đều tương ưng với tự tánh chứ không tương ưng với tánh khác. Họ đưa ra cách nói rằng: nghĩa quý trong lẫn nhau là nghĩa của tương ưng, không có pháp cùng với pháp hết sức quý trong lẫn nhau bằng tự tánh của mình, cho nên chỉ có tự tánh tương ưng với tự tánh.

Vì ngăn chặn ý đó, để biểu hiện rõ ràng tự tánh chỉ tương ưng với tánh khác, bởi vì danh nghĩa tương ưng-khác thể hướng về với nhau mà kiến lập, như tâm và tâm sở lần lượt chuyển đổi hướng về với nhau, bởi vì cùng chung một sở y- một sở duyên như nhau không rời bỏ lẫn nhau, cho nên gọi là tương ưng.

Hoặc lại có người chấp các pháp cùng với tự tánh, không có nghĩa tương ưng cũng không phải là không tương ưng, không có nghĩa tương là bởi vì các pháp không chờ đợi tự tánh mà sinh khởi. Không phải là không tương ưng, bởi vì hết sức quý trọng lẫn nhau là nghĩa của tương ưng.

Vì ngăn chặn ý đó, để biểu hiện rõ ràng các pháp tương ưng không hỗn loạn cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao chỉ hỏi về tương ưng với thọ?

Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy. Nghĩa là người soạn luận tùy theo ý muốn soạn luận không trái với pháp tướng, cho nên không cần vặn hỏi. Lại nữa, bởi vì thọ cùng với hành tướng của thọ khác nhau, không trái với thành tựu mà trái với hiện hành, cho nên chỉ hỏi đến điều ấy. Không trái với thành tựu, là bởi vì một thân có thể thành tựu năm căn về thọ. Trái với hiện hành, là bởi vì chắc chắn không có hai thọ hiện hành với một lúc. Lại nữa, bởi vì thọ tùy theo căn chuyên biến mà dấy khởi, đối với thể của một thọ kiến lập năm căn, pháp khác thì không như vậy, cho nên chỉ hỏi về thọ ở phần giữa vòng tròn của mười hai duyên khởi; giống như ổ trục bánh xe,cho nên chỉ hỏi về thọ. Lại nữa, bởi vì tất cả các pháp đều quay về với thọ, cho nên chỉ hỏi về thọ. Lại nữa, ngoài thọ ra lại hỏi đến căn nào tương ưng; nếu hỏi về tám căn tương ưng như mạn... Thì trở thành phi lý bởi vì là không tương ưng; nếu hỏi về tương ưng với năm căn như tín...và ba căn vô lậu, thì cũng trở thành phi lý bởi vì chỉ là thiện; nếu hỏi về những tâm sở tương ưng với các pháp nhiễm khác và tưởng-Tư..., thì cũng trở thành phi lý, bởi vì không có tướng của căn, hoặc có mà chín là tánh của phiền não; nếu hỏi về tương ưng với Niệm-Định và Tuệ, thì cũng trở thành phi lý, bởi vì tương ưng với phiền não không có tướng của căn, hoặc có mà chín là tánh của phiền não; nếu hỏi về ý căn thì cũng không hợp lý, bởi vì dựa vào tâm mà kiến lập về pháp tương ưng. Vả lại, tâm tương ưng không có sai biêt, họ có tướng của căn chứ không phải là thể của phiền não có thể sinh ra phiền não, cho nên hỏi về tương ưng.

Trả lời trong ba kiết thì kiết hữu thân kiến-Giới cấm thủ tương ưng với ba căn, trừ ra khổ và Ưu căn.

Hỏi: Vì sao hai kiết này trừ ra khổ căn.

Đáp: Bởi vì khổ căn thuộc về năm thức, hai kiết này thuộc về ý địa, cho nên không tương ưng.

Hỏi: Vì sao hai kiết này trừ ra hai căn?

Đáp: Ưu là hành tướng lo buồn chuyển đổi hai kiết này là hành tướng vui mừng chuyển đổi, cho nên không tương ưng. Nói chung hai kiết này là tương ưng với ba căn, phân biệt riêng đế thì nếu ở cõi Dục và hai Tĩnh lự đầu sẽ tương ưng với Hỷ-Xã căn, nếu ở Tĩnh lự thứ ba thì tương ưng với Lạc-Xã căn, nếu ở Tĩnh lự thứ tư của cõi Vô sắc thì chỉ tương ưng với Xả căn vì vậy nói chung là tương ưng với ba căn, kiết nghi

tương ưng với bổn căn, trừ ra khổ căn.

Hỏi: Vì sao kiết nghi trừ ra khổ căn?

Đáp: Khổ căn thuộc về năm thức, Nghi thuộc về ý địa, cho nên không tương. Nói chung là kiết Nghi tương ưng với bốn căn, phân biệt riêng đế thì nếu ở cõi Dục sẽ tương ưng với Ưu-Xã căn, nếu ở hai Tĩnh lự đầu thì tương ưng với Hỷ-Xã căn, nếu ở Tĩnh lự thứ ba thì tương ưng với Lạc-Xã căn, nếu ở Tĩnh lự thứ tư và cõi vô sắc thì chỉ tương ưng với Xã căn. Vì vậy, nói chung là tương ưng với bốn căn.

Hỏi: Vì sao kiết Nghi nếu ở cõi Dục thì không tương ưng với Hỷ căn, nếu ở hai Tĩnh lự đầu thì tương ưng với hai Hỷ căn.

Đáp: Bởi vì hành tướng vui mừng và tương ưng với nhau, nghĩa là Nghi ở cõi Dục do hành tướng lo buồn chuyển đổi, Hỷ căn là do hành tướng vui mừng chuyển đổi, hành tướng đã khác nhau thì không có nghĩa tương ưng; Nghi ở hai Tĩnh lự đầu cùng với Hỷ căn đều do hành tướng vui mừng chuyển đổi cho nên được tương ưng, bởi vì nghĩa bằng nhau là nghĩa của tương ưng. Lại nữa, bởi vì cõi Dục thì Hỷ là thô-Nghi là tế, cho nên không tương ưng.

Hỏi: Vì sao cõi Dục thì Hỷ là thô?

Đáp: Bởi vì hữu tính ở cõi Dục không nên dấy khởi mà dấy khởi, đối với sự việc ở cõi Dục cũng không nên dấy khởi mà dấy khởi. Thế nào là hữu tình ở cõi Dục không nên dấy khởi mà dấy khởi? Nghĩa là bản tánh của cõi Dục là khổ lại cộng thêm khổ khác, đúng lý phải sinh tâm chán ngán lìa xa mà lại sôi nổi nhảy múa, lẽ nào không phải là thô hay sao? Thế nào là đối với sự việc của cõi Dục không nên dấy khởi mà dấy khởi? Nghĩa là thấy người khác ngã nhào mê man thì nên sinh lòng thương xót mà lại vui cười, lẽ nào không phải là thô hay sao?

Kiết Nghi ở cõi Dục nặng về suy nghĩ cho nên vi tế, thô-tế đã khác nhau thì không có nghĩa tương ưng, Nghi và Hỷ ở hai Tĩnh lự đầu đều tế cho nên được tương ưng. Lại nữa, kiết Nghi của cõi Dục thì sau nặng mà Hỷ căn tùy tiện vội vàng, cho nên không tương ưng; ở Tĩnh tự thứ nhất thì cả hai đầu sau nặng cho nên được tương ưng. Lại nữa, kiết Nghi của cõi Dục chuyển đổi ở phần trong, Hỷ căn cũa cõi Dục chuyển đổi ở phần ngoài, cho nên không tương ưng; hai Tĩnh lự đầu đều chuyển đổi ở phần trong, cho nên được tương ưng. Lại nữa, kiết Nghi của cõi Dục như chủ mà Hỷ căn thì như khách, cho nên không tương ưng; hai Tĩnh lự đầu thì Nghi và Hỷ căn đều như chủ, cho nên được tương ưng.

Lại nữa, kiết Nghi của cõi Dục tuy không tương ưng với Hỷ thọ mà tương ưng với Ưu thọ; kiết Nghi của hai Tĩnh lự đầu nếu không

tương ưng với Hỷ thọ thì trở thành không có Thọ, bởi vì Hỷ là tự tánh Thọ của địa ấy, nếu tâm Nghi tích tụ hoàn toàn không có Thọ thì trái với pháp nương tựa nhau và pháp tương ưng, đừng nảy sinh sai lầm này! Vì vậy, kiết Nghi của hai Tĩnh lự đầu tương ưng với Hỷ căn.

Trong ba Căn bất thiện thì căn bất thiện Tham tương ưng với ba căn, trừ ra Khổ-Ưu căn, bởi vì Khổ-Ưu căn do hành tướng lo buồn chuyển đổi, căn bất thiện Tham do hành tướng vui mừng chuyển đổi, cho nên không tương ưng. Căn bất thiện Sân tương ưng với ba căn, trừ ra Lạc-Hỷ căn, bởi vì Lạc-Hỷ căn do hành tướng vui mừng chuyển đổi, căn bất thiện sân do hành tướng lo buồn chuyển đổi, cho nên không tương ưng. Căn bất thiện Si và Dục lậu-Vô minh lậu tương ưng với năm căn, bởi vì chúng đều gồm chung sáu thức thân do hành tướng vui mừng-lo buồn chuyển đổi. Hữu lậu tương ưng với ba căn, trừ ra Khổ-Ưu căn, bởi vì cõi Sắc-Vô sắc không có Ưu-Khổ căn. Cõi ấy không có nhân của Ưu-Khổ, trong chương căn Uẩn sẽ nói rộng hơn. Trừ ra Tà kiến, những loại còn lại nói rộng ra như bản luận này. Tà kiến tương ưng với bốn căn, trừ ra khổ căn, bởi vì khổ căn thuộc về năm thức, Tà kiến thuộc về ý địa, cho nên không tương ưng. Nói chung là Tà kiến tương ưng với bốn căn, phân biệt riêng rẽ thì nếu ở cõi Dục sẽ tương ưng với ba căn, trừ ra Lạc-Khổ căn; nếu ở hai Tĩnh lự đầu thì tương ưng với Hỷ-Xả că; nếu ở Tĩnh lự thứ ba thì tương ưng với Lạc-Xả căn; nếu ở Tĩnh lự thứ tư và cõi vô sắc thì chỉ tương ưng với Xả căn.

Hỏi: Tà kiến của cõi Dục thì loại nào tương ưng với Hỷ căn, loại nào tương ưng với Ưu căn?

Đáp: Hoặc là có người trước đây không thích bố thí-không thích yêu thương vui vẻ-không thích thờ cúng, người ấy về sau nếu gặp phải ngoại đạo tà kiến, nghe nói không có bố thí-không có yêu thương vui vẻ, không có thờ cúng, không có diệu hạnh, không có ác hạnh, không có dị thục nghiệp quả của diệu hạnh và ác hạnh, nghe rồi hoan hỷ dấy lên ý nghĩ như vậy: Mình từ trước đến nay không thích bố thí cho đến thờ cúng thật là điều tốt, bởi vì những việc đó không có quả-không có dị thục. Tà kiến như vậy tương ưng với Hỷ căn.

Hoặc là có người từ trước tới nay thích thực hành bố thí-thích thực hành yêu thương vui vẻ-thích thực hành thờ cúng, người ấy về sau nếu gặp phải ngoại đạo tà kiến, nghe nói không có bố thí-không có yêu thương vui vẻ-không có thờ cúng-không có diệu hạnh-không có ác hạnh-không có nghiệp quả dị thục của diệu hạnh và ác hạnh, nghe rồi buồn bã dấy lên ý nghĩ như vậy: Mình từ trước đến nay thích thực

hành bố thí cho đến thờ cúng thật là hoang đường, bởi vì những điều ấy không có quả-không có dị thục. Tà kiến như vậy tương ưng với Ưu căn. Giải thích rộng về nghĩa tương ưgn, đã nói trong phần sáu Nhân.

Ba kiết cho đến chín mươi tám Tùy miên, có mấy loại hệ thuộc cõi Dục, mấy loại hệ thuộc cõi Sắc, mấy loại hệ thuộc cõi Vô sắc?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Tất cả danh số của phiền não và tùy miên não ở cõi Dục thì ở cõi Sắc-Vô sắc cũng có. Vì ngăn chận ý đó, biểu hiện rõ ràng cõi Dục là bất định có rất nhiều các phiền não và tùy phiền não, cõi Sắc-Vô sắc là địa ổn định cho nên ít các phiền não và tùy phiền não, như tùy miên sân và ác tác..., bởi vì cõi ấy không có.

Hoặc lại có người chấp: Hữu lậu-Bộc lưu-Ách-Ngã ngữ thủ ở cõi Dục cũng có lúc duyên với bên trong mà sinh khởi các phiền não..., cho nên được tên gọi ấy. Vì ngăn chặn ý đó, hiển bày hữu lậu... Không gồm chung cõi Dục, hai cõi trên thì hoặc là do định mà thâu nhiếp cất chứa nhiều duyên bên trong dấy khởi cho nên có được tên gọi ấy.

Hoặc lại có người chấp: Hai triền Tật-Khan ở cõi Phạm thế cũng có. Như luận giả Phân Biệt đã chấp.

Hỏi: họ vì sao dấy lên cái chấp này?

Trả lời: Là bởi vì dựa vào trong kinh. Nghĩa là nói: "Đại Phạm Thiên Vương bảo với Phạm Chung: Chúng ta không cần đi đến chổ Sa-môn Kiều-Đáp-ma để cung kính lễ lạy mà nghe pháp, ngay ở nơi này rẽ khiến cho các ông vượt qua sinh-lão-tử chúng được tịch diệt vĩnh viễn". Họ nói Phạm vương vì kiết Tật-Khan ràng buộc tâm tư cho nên dấy lên lời nói như vậy. Vì ngăn chặn lại ý đó, hiển bày kiết Tật-Khan chỉ có ở cõi Dục.

Hoặc lại có người chấp: Cõi Phạm Thế có triền Phú.

Hỏi: Họ vì sao dấy lên cái chấp này.

Trả lời: Là bởi vì dựa vào trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói: Đại Phạm Thiên Vương không hiểu rõ câu hỏi của Tôn giả Mã Thắng, sợ Phạm chúng biết cho nên phương tiện dẫn ra nói lời êm diệu hổ thẹn mà nhận lỗi". Họ nói Phạm Vương do triền Phú cho nên dẫn ra ở ngoài chúng mới nói rõ là không hiểu. Vì ngăn chặn ý đó, biểu hiện rõ ràng triền Phú chỉ có ở cõi Dục, nhưng Đại Phạm Vương vì Mạn-Siểm-Cuồng-Phú che lấp tâm tư cho nên dấy lên lời nói như vậy. Bởi vì nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Trả lời : Là ba kiết có ba loại, hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là

hệ thuộc cõi Sắc, hoặc là hệ thuộc cõi Vô sắc. Phần còn lại nói rộng ra như bản luận này.

Hỏi: Vì sao gọi là hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc.

Đáp: Trói buộc vào dục cho nên gọi là hệ thuộc cõi Dục, trói buộc vào sắc cho nên gọi là hệ thuộc cõi Sắc, trói buộc vào Vô sắc cho nên gọi là hệ thuộc cõi Vô sắc; như trâu-ngựa... trói buộc vào như cột trụ hoặc nhốt vào trong chuồng thì gọi là hệ thuộc cột trụ... Lại nữa, vì chân của cõi Dục bị ràng buộc cho nên gọi là hệ thuộc cõi Dục, vì chân của cõi Sắc bị ràng buộc cho nên gọi là hệ thuộc cõi Sắc, vì chân của cõi Vô Sắc bị ràng buộc cho nên gọi là hệ thuộc cõi Vô Sắc. Chân có nghĩa là phiền não, như kệ nói :

"Công hạnh của Phật là vô biên, không có chân người nào mang đi".

Như người có chân thì được tự do đi lại khắp nơi, không có chân thì không như vậy, như vậy, hữu tình có chân phiềnnão thì có thể đi qua các cõi-các nẽo-các đời, không có chân phiền não thì không có như vậy. Chư Phật vĩnh viễn đoạn chừ chân cũa phiền não, cho nên đối với cõi-nẽo-đời không còn lưu chuyển nữa, nhưng nhờ vào định tuệ mà đi lại khắp nơi không giới hạn. Lại nữa, bởi vì sào huyệt cõi Dục đã thu nhiếp cất giữ, ngã chấp của cõi Dục đã chấp trước, cho nên gọi là hệ thuộc cõi Dục; bởi vì sào huyệt cõi Sắc đã thâu nhiếp cất giữ do ngả chấp của cõi Sắc mà chấp trước, cho nên gọi là hệ thuộc cõi sắc; bởi vì sào huyệt cõi Vô Sắc đã thâu nhiếp cất giữ do ngả chấp của cõi Sắc mà chấp trước, cho nên gọi là hệ thuộc cõi Vô sắc. Sào huyệt nghĩa là Ái, Ngã chấp nghĩa là hiến. Lại nữa, vì Ái của cõi Dục làm thấm ướt thêm do Ngã-Ngã sở kiến mà chấp trước, cho nên gọi là hệ thuộc cõi Sắc; vì Ái cõi vô sắc làm cho thấm ướt thêm, do Ngã-Ngã sở kiến mà chấp trước, cho nên gọi là cõi Sắc; vì Ái của cõi Vô sắc làm cho thấm ướt thêm, do Ngã-Ngã sở kiến mà chấp trước, cho nên gọi là hệ thuộc cõi Vô sắc. Lại nữa, do dục lạc của cõi Dục và dính vào, cho nên gọi là hệ thuộc cõi Dục do dục lạc của cõi Sắc mà dính cứng vào, cho nên gọi là hệ thuộc cõi Sắc; do dịch lạc của cõi Vô sắc mà dính cứng vào, cho nên gọi là hệ thuộc cõi Vô sắc. Lạc nghĩa là Ái, Dục nghĩa là Kiến. Lại nữa, bị sinh tử cũa cõi Dục ràng buộc, cho nên gọi là hệ thuộc cõi Dục; bị sinh tử của cõi Sắc ràng buộc cho nên gọi là hệ thuộc cõi Sắc; bị sinh tử của cõi Vô Sắc ràng buộc cho nên gọi là hệ thuộc cõi Vô Sắc. Lại nữa, bị cấu của cõi Dục làm cho dơ bẩn-bị chất độc làm cho tổn hại-bị

uế trược làm cho vấy nhiễm, cho nên gọi là hệ thuộc cõi Dục; bị cấu của cõi Sắc làm cho dơ bẩn-bị chất độc làm cho tổn hại-bị uế trược làm cho vấy nhiễm, cho nên gọi là hệ thuộc cõi sắc; bị cấu của cõi Vô Sắc làm cho dơ bẩn- bị chất độc làm cho tổn hại-bị uế trược làm cho vấy nhiễm, cho nên gọi là hệ thuộc cõi Vô sắc. Tất cả phiền não đều gọi là uế chứ không phải chỉ là sinh, cho nên gồm chung cả ba cõi. Lại nữa, bị phiền não của cõi Dục ràng buộc, cho nên gọi là hệ thuộc cõi Dục; bị phiền não cũa cõi Sắc ràng buộc, cho nên gọi là hệ thuộc cõi Sắc; bị phiền não cũa cõi Vô Sắc ràng buộc, cho nên gọi là hệ thuộc cõi Vô Sắc.

Các kiết rơi vào cõi Dục thì kiết đó thuộc về cõi Dục chăng.

Cho đến nói rộng ra.

Trong này, rơi vào (Đọa) thì rơi vào có sáu loại:

1. Rơi vào cõi.
2. Rơi vào nẽo.
3. Rơi vào bổ-đặc-già-la.
4. Rơi vào xứ.
5. Rơi vào hữu lậu.
6. Rơi vào tự thể.

Rơi vào cõi, như trong này nói các kiết rơi vào cõi Dục thỉ kiết đó thuộc về cõi Dục... Ý trong này nói: Nếu là pháp của cõi này thì gọi là rơi vào cõi này, nếu pháp của cõi Dục thì rơi vào cõi Dục, nếu pháp của cõi Sắc thì rơi vào cõi Sắc, nếu pháp của cõi Vô Sắc thì rơi vào cõi Vô Sắc. Rơi vào nẽo, như người thuyết pháp lúc thực hành pháp thí pháp ra lời nguyện này nhờ vào pháp thí này làm cho hữu tính rơi vào các nẽo nhanh chống rơi khỏi sinh lão bệnh tử. Rơi vào Bổ-đặc-già-la, như trong tùy-nãi-la: "Có ba loại Bổ-đặc-già-la rơi vào trong tăng số làm cho tăng hòa hợp". Rơi vào xứ, rơi vào Hữu lậu như luân phẩm loại Túc nói: " Có chấp Thọ là nghĩa gì.

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày pháp rơi vào tự Thể".(Tại) thì thuộc về có bốn loại :

1. Thuộc về tự Thể.
2. Thuộc về đồ chứa.
3. Thuộc về hiện hành.
4. Thuộc về nơi chốn.

Thuộc về tự Thể, nghĩa là tất cả các pháp đều trú trọng-tự Ngã-tự Vật-tự Tướng-tự Phần-tự bản tánh. Thuộc về đồ chứa, như táo-lê... ở trong chậu, thiên thụ... ở trong nhà. Thuộc về hiện hành, là nếu pháp hiện hành ở nơi này thì có thể được. Thuộc về nơi chốn, là nếu pháp ở

nơi chốn này thì có thể được. Trong này tổng quát được vào bốn loại thuộc về mà soạn luận, hoặc đầy đủ-không đầy đủ như thích hợp nên biết!

Hỏi: Các Kiết rơi vào cõi Dục thì Kiết ấy thuộc về cõi Dục chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có Kiết rơi vào cõi Dục mà Kiết ấy không thuộc về cõi Dục, đó là Triền và sở triền của cõi sắc mất đi khởi lên Trung Hữu của cõi Dục. Ở cõi Sắc mất đi sinh vào cõi Dục thì chỉ là dị sinh, lúc ấy Trung Hữu của cõi Dục ở cõi Sắc khởi lên pháp thuận theo như vậy, Tử Hủ(phần vị sau Bổn hữu và trước Trung Hữu) ở vào phần vị diệt mà Trung Hữu hiện rõ trước mắt, như hạt giống ở giai đoạn diệt mất mà mầm non hiện rõ trước mắt. Lúc ấy ở Tử Hữu đến Trung Hữu, ba mươi sáu tùy miên của cõi Dục tùy theo một loại hiện rõ trước mắt khiến cho sinh nối tiếp nhau và ác ma ở cõi Phạm Thế bởi vì triền-sở cho nên chỉ trích chống đối Như Lai. Triền và sở triền thì có người nói là triền Phẫn, bởi vì triền Phẫn kia làm cho tâm chỉ trích chống đối Đức Phật; có người nói là triền Tật, bởi vì triền Tật kia làm cho tâm chỉ Trích chống đối Đức Phật; có người nói là triền san, bởi vì triền san kia làm cho tâm chỉ trích chống đối Đức Phật.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Ở trong chín triền tùy theo một loại hiện rõ trước mắt và chỉ trích chống đối Đức Phật, trừ ra lúc ngủ không thể nào phát khởi ngữ nghiệp được.

Hỏi: Vì sao gọi là ma?

Đáp: Bởi vì đoạn mất tuệ mạng, hoặc là bởi vì thường phóng dật mà tự hại đến mình.

Hỏi: Vì sao gọi là ác?

Đáp: Bởi vì ôm ấp ý thích xấu ác, thành tựu ác pháp và ác tuệ. Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: "Tràn đầy xấu ác chết rồi sinh đến chổ ác, cho nên nói là ác".

Hỏi: Ma ở cõi Phạm Thế làm điều gì?

Đáp: Chỉ trích chống đối Đức Phật.

Hỏi: Họ có sức mạnh gì mà có thể ở cõi Phạm Thế?

Đáp: Bởi vì Phạm Thiên đã dẫn dắt, như trong kinh nói: "Một thuở nọ, Đức Bạc- già-phạm an trú trong vườn Cấp- cô-độc ở rừng Thế-đa thuộc thành Thức-la-phiệt, lúc bấy giờ có một Phạm Thiên ở lại cõi Phạm Thế, khởi lên cách nhìn xấu ác, cho rằng nơi này là thường hằng không biến đổi, hoàn toàn vĩnh viễn xuất ly, càng không có nơi nào

thường hằng không biến đổi, hoàn toàn vĩnh viễn xuất ly vượt qua nơi này được. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn biết tâm Phạm Thiên rồi, nói như khoảnh khắc co duỗi cánh tay như tráng sĩ, từ nơi này ẩn hình đến cõi Phạm Thế mà hiện ra, cách Phạm Thiên kia không xa mà đứng lặng. Lúc ấy Phạm Thiên kia từ xa thấy Đức Phật rồi liền bảo với Đức Phật rằng: Hãy đến đây Đại Tiên! Nơi này là thường hằng không biến đổi, hoàn toàn vĩnh viễn xuất ly, càng không có nơi nào thường hằng không biến đổi, hoàn toàn vĩnh viễn xuất ly vượt qua nơi này được. Nhân giả có thể chán ngán rời bỏ cõi Dục đầy tai họa mà đi đến chổ này thật là khéo thay, nên thường trú an lạc ở nơi này! Đức Thế Tôn bảo rằng: Nơi này không phải là thường hằng không biến đổi, hoàn toàn vĩnh viễn xuất ly, mà ông cho rằng thường hằng không biến đổi, hoàn toàn vĩnh viễn xuất ly, bởi vì vô minh sâu nặng che lấp tâm mông, ông nên tự xem xét các Phạm Thiên quá khứ rơi vào cõi Dục thì như hoa quả rơi rụng, tại sao vọng tưởng cho rằng đây là nơi thường hằng...? như vậy, Phạm Thiên nhiều lần tự mình ca gợi Đức Phật cũng nhiều lần chỉ trích điều mà Phạm Thiên đã nói. Lúc bất giờ Phạm Thiên kia nhìn thấy uy đức sáng chói của Đức Phật thì khó mà chống cự nổi, lại đứng im lặng trong phạm vi lìa dục, Không thích bàn luận, liền dấy lên ý nghĩ này: Ai có thể cùng với Đức Phật làm đối thủ luận bàn? Nghĩ rồi liền nhớ lại, ma cùng với Như Lai luôn luôn là oán đối thì chắc chắn có thể chống cự được. Liền dùng thần lực dẫn vào cõi Phạm Thế hóa làm phạm vi của dục lạc mà làm cho yên ổn ở nơi đó. Lúc bấy giờ Phạm Thiên kia lại thưa với Đức Phật: Nơi này thường hằng... cho đến nói rộng ra. Đức Thế Tôn bảo rằng: Nơi này không phải là thường hằng... nói rộng ra như trên. Ma liền thưa với Đức Phật: Thưa Đại Tiên! Nên tùy theo lời Phạm Thiên đã nói đừng chống đối nữa mà hãy vâng lời thực hành; nếu chống đối thì ví như người, Thiên thần Cát Tường đi đến nhà của họ, mà họ dùng dao gậy... xua đuổi làm cho ra ngoài; cũng như có người từ chỗ cao mà rơi xuống, buông rời tay chân liền rơi xuống hố sâu; lại như có người từ ngọn cây rơi xuống, buông rời tay chân rơi xuống thì chắc chắn đến mặt đất, nên vâng lời thuận theo điều Phạm Thiên đã nói! Lại thưa với Đức Phật rằng: Lẽ nào Nhân giả không thấy Phạm chúng như chúng tôi vây quanh Phạm Thiên, cung kính thuận theo lời ấy chứ không dám trái ngược hay sao? Lúc ấy Đức Phật bảo rằng: Ông không phải là Phạm Vương, cũng không phải là Phạm chúng, mà chính là ác ma, không có hổ thẹn, ngang ngược mà đến quấy nhiễu với nhau. Lúc bấy giờ ác ma biết Đức Phật nhận ra rồi, lòng dạ hổ thẹn phiền muộn

không thể nào tự mình rút lui được, Phạm Thiên dùng thần lực làm cho ác ma trở về cung".

Dựa vào trong kinh ấy để soạn ra phần luận này, đó gọi là có Kiết rơi vào cõi Dục mà Kiết ấy không thuộc về cõi Dục. Rơi vào cõi Dục, là rơi vào cõi này chứ không rơi vào nơi nào khác; không thuộc về cõi Dục, là bởi vì cõi Sắc có thể được. Ở đây có ba loại thuộc về, trừ ra loại thuộc về tự Thể, bởi vì không thuộc về cõi của mình hiện ở trước mắt.

□